

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/03/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:20	19	0		17	0	
2		TD2	7:25	17	0		17	0	THAO 2 GHE CHỖ HÀNG DVL
3		CTK3+TD3+TD1	7:25	22+0+0	0+0+0		13+0+8	0+0+0	CHUYEN 2 TD3 TD1
4		P7+P4+P10	7:25	3+8+11	0+0+0		0+0+11	0+0+0	
5		VSP01+BK16+GTCl	9:25	5+6+11	0+0+0		0+6+5	0+0+0	
6		RP2+P2+P10	9:25	1+12+9	0+0+0		0+7+3	0+0+0	
7		CTK3+P1	11:25	20+2	0+0		11+1	0+0	
8		TD2	11:25	19	0		14	0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2021	TO: TD2	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:20
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HLONG - Nam	ETA: 10:30
xanh-1			

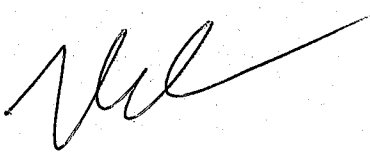
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD2	37	1	7		82	KHOAN	Russian
2	GONCHAROV S.A	TD2	38	1	4		98	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VAN HAI	TD2	33	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
4	LE QUỐC TOÀN	TD2	34	1	5	15	65	KHOAN	Vietnamese
5	BUI HUU HONG	TD2	50	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
6	VUONG DINH LIEN	TD2	35	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
7	LE VIET CHIEN	TD2	36	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HUNG HUNG	TD2	48-49	2	8		100	KHOAN	Vietnamese
9	LE HUY TUYEN	TD2	31	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
10	MAI VAN HOANG	TD2	28	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
11	NGO VIET PHUONG	TD2	42	1	12		90	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN MANH CUONG	TD2	30	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	VU THANH DUONG	TD2	32	1	7		82	DVL	Vietnamese
14	DOROSHENKO	TD2	29	1	7		98	KHOAN	Russian
15	NGUYEN SY TUAN	TD2	47	1	12		74	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN THIEU BINH	TD2	43-45	3	17		63	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN MINH THAO	TD2	46	1	17		67	DVL	Vietnamese
18	VU XUAN DIEU	TD2	40-41	2	15		66	DVL	Vietnamese
19	PHAM CONG DIEN	TD2	29	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	23	147	1.438	15	17		
	TOTAL	19	23	147	1.438	15	17		
	WEIGHT KG			147	1.438	15			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

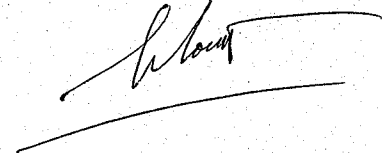
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:25
FLIGHT: 02	TO: TD2	CREW: MTiến - ĐTrung	ETA: 10:30
CAM-1A			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN PHÚ	TD2	70-71	2	14		61	MI-SWAS	Vietnamese
2	DƯƠNG THẾ ĐỨC	TD2	82	1	12		77	DVL	Vietnamese
3	HUYNH VŨ TÍNH	TD2	74	1	10		66	DVL	Vietnamese
4	KRAVTSOV ALEXANDER	TD2	78	1	18	125	72	DVL	Russian
5	OZEROV VITALIY	TD2	77	1	6		92	DVL	Russian
6	NGUYỄN DUY TUÂN	TD2	84	1	4		82	PVD	Vietnamese
7	HUYNH HIẾU NGHĨA	TD2	72	1	8	60	78	PVD	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH HÒE	TD2	73	1	5		71	PV GAS	Vietnamese
9	NGUYỄN HÙNG QUÂN	TD2	83	1	9		68	D-HANH	Vietnamese
10	PHẠM QUANG QUY	TD2					59	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ XUÂN THANH	TD2					75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN THUY	TD2	81	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ NGỌC TOÀN	TD2	75	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÁC	TD2	79	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN MẠNH	TD2	76	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ THANH TÙNG	TD2	80	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	16	15	108	1.145	185	16		THAO 3 GHE CHO HANG
TOTAL		16	15	108	1.145	185	16		
WEIGHT KG				108	1.145	185			

GRAND TOAL: 1.438 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel: 2200 kg (rám)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 03	TO: CTK3 - TD3 - TD1	CREW: Hạnh - VLin - Năm	ETA: 09:10
VANG-1			

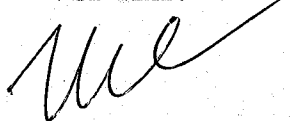
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CU XUAN HUY	CTK3	85	1	10		60	HLHV	Vietnamese
2	NGUYEN PHAN TRI	CTK3	96-98	3	14		78	VPI	Vietnamese
3	PHAM MINH TUAN	CTK3	900	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THANH HAI	CTK3	95	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3					71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TUONG	CTK3	87	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
7	TO TRONG TUAN	CTK3	86	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	CAO VAN DAU	CTK3	82	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HUU DUONG	CTK3	94	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANG	CTK3	099	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG MAN	CTK3	83-84	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN NHUAN	CTK3	93	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU SY	CTK3	53	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG QUOC BAO	CTK3	79-80	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH KHOAT	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN TRUNG KIEN	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN DIEM	CTK3	81	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG VAN BINH	CTK3	99	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN HA	CTK3	90	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM HONG SON	CTK3	91	1	15		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG TAN	CTK3	91-92	2	9		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG TUNG	CTK3	88-89	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

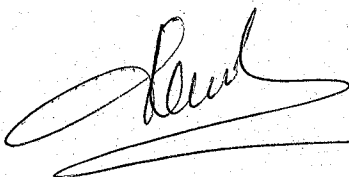
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	25	148	1.528	0	13		CHUYEN 2 PAX TU TD3 SANG TD1
2	TD3	0	0	0	0	0	0	0	
3	TD1	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	25	148	1.528	0	21		
WEIGHT KG				148	1.528	0			

GRAND TOAL: 1.676 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 04	TO: P7 - P4 - P10	CREW: VThắng - Mạnh - Luy	ETA: 09:15
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN KHUU	P7	61	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN MUÔI	P7	64	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ DUY NGỌC	P7	63	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HOÀI	P4	33	1	5		70	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
5	LÊ VĂN TÂY	P4	38-39	2	12		65	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
6	MAI VĂN THIN	P4	99	1	12		63	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
7	TRƯƠNG MINH THÈ	P4	32	1	5		55	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN TRIỆU	P4	36-37	2	12		70	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
9	ĐỖ TRUNG SỸ	P4	98	1	6		66	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
10	HOÀNG CAO CƯỜNG	P4	34	1	14		65	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
11	PHAN VĂN BÈN	P4	35	1	7		72	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
12	VU TRỌNG HẠCH	P10	29	1	20	50	77	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH CÔNG	P10	30	1	13	40	71	CODIEN	Vietnamese
14	DƯƠNG HỮU THUẬN	P10	31	1	6		63	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN THAI DƯƠNG	P10	27	1	10		54	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG HOÀN	P10	20-22	3	19		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH TINH	P10	19	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
18	VÔ VĂN HUNG	P10	28	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY LINH	P10	24	1	9		92	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	P10	25-26	2	9		66	KHOAN	Vietnamese
21	PHAN VĂN THANH	P10	23	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
22	NGÔ HỒNG GIANG	P10	18	1	8		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	3	3	31	186	0	0		
2	P4	8	10	73	526	0	0		
3	P10	11	14	108	785	90	11		
TOTAL		22	27	212	1.497	90	11		
WEIGHT KG				212	1.497	90			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2021	TO: VSP01 - BK16 - GTC1	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLinH - Năm	ETA: 11:20
XANH-2			

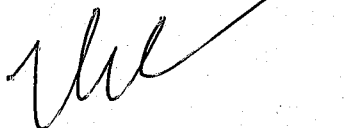
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SABITOV A.A	VSP01	54	1	5	10	75	KH-THAC	Russian
2	GRICHENKOV Y.V	VSP01	55	1	17		89	KH-THAC	Russian
3	KRAMARENKO	VSP01	56-57	2	17		63	D-HANH	Russian
4	VU MINH ĐỨC	VSP01	58-59	2	19		49	D-HANH	Vietnamese
5	TARGANOV	VSP01	61	1	7		91	ANTOAN	Russian
6	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK16	76	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LIEU	BK16	77	1	5	50	79	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TRUONG AN	BK16	84	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH DIỆN	BK16	80	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TUÂN	BK16	79	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI CAO ĐÌNH	BK16	78	1	5		58	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN NAM THAI	GTC1	38	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY TUÂN	GTC1	57	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	37	1	7	40	77	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HOANG LONG	GTC1	54	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC BÀU	GTC1	51	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH THĂNG	GTC1	50	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC QUÝ	GTC1	52	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG SỰ	GTC1	35-36	2	15		80	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LAM	GTC1	31,34	2	20		71	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NHÂN	GTC1	49	1	5		78	NIPI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN QUYẾT	GTC1	53	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	5	7	65	367	10	0		
2	BK16	6	6	39	437	50	6		
3	GTC1	11	13	97	790	40	5		
TOTAL		22	26	201	1.594	100	11		
WEIGHT KG				201	1.594	100			

GRAND TOAL: 1.895 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: RP2 - P2 - P10	CREW: VThắng - Mạnh - Luy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC HOANG HAI	RP2	83-84	2	8	30	85	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG QUOC LONG	P2	700	1	5	15	58	PSV	Vietnamese
3	PHAN HUNG	P2	06-09	4	20	55	70	OMSC	Vietnamese
4	NGUYEN TAT VI	P2	34	1	7		60	OMSC	Vietnamese
5	NGUYEN HONG PHI	P2	05	1	4		60	OMSC	Vietnamese
6	BUI VAN THUY	P2	31	1	13		55	OMSC	Vietnamese
7	VÔ VĂN HANH	P2	25-26	2	7		69	OMSC	Vietnamese
8	TRẦN THẾ ANH	P2	27-28	2	19		50	OMSC	Vietnamese
9	BUI NGOC CU	P2	29-30	2	8		70	OMSC	Vietnamese
10	NGUYEN TRỌNG DÂN	P2	32	1	8		71	OMSC	Vietnamese
11	TRẦN THANH TÂM	P2	04	1	9		55	OMSC	Vietnamese
12	NGUYEN VĂN HÒA	P2	33	1	19		55	OMSC	Vietnamese
13	NG HOANG OANH-PVDT	P10	41	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN LÊN	P10	50	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VĂN TRUÔNG	P10	47	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
16	THÁI VIỆT ĐỊNH	P10	43-44	2	16		68	KHOAN	Vietnamese
17	LIU BINH MINH	P10	45-46	2	18		65	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM DUY QUANG	P10					76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ANH KHOA	P10	51	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HUY ĐỊNH	P10	48-49	2	15	15	60	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN HONG	P10	42	1	6		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	1	2	8	85	30	0		
2	P2	11	17	119	673	70	7		
3	P10	9	11	78	624	15	3		
TOTAL		21	30	205	1.382	115	10		
WEIGHT KG				205	1.382	115			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 07	TO: CTK3 - P1	CREW: Hôi - NPhú - DTùng	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE XUAN DAT	CTK3	01	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
2	LUYEN VAN THIEU	CTK3	05	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HIEU	CTK3	03	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	LE DUC HIEP	CTK3	04	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO DINH THAM	CTK3	02	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI THANH HOAT	CTK3	08	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM TU ANH	CTK3	12	1	11		66	CODIEN	Vietnamese
8	DINH MAI THIEN	CTK3	10	1	12		72	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG PHONG	CTK3	06	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
10	DAO DUY DIEP	CTK3	07	1	15		83	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THANH	CTK3	09	1	12		59	CODIEN	Vietnamese
12	PANKRATOV	CTK3	22	1	14		100	ANTOAN	Russian
13	TRAN DUY THONG	CTK3	21	1	5		77	ANTOAN	Vietnamese
14	TRAN NGOC HUY	CTK3	20	1	6		67	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DANG	CTK3	18	1	8		67	TRUONG	Vietnamese
16	LE THANH SON	CTK3	15-16	2	18		62	TRUONG	Vietnamese
17	LE VAN LUC	CTK3	17	1	7		70	TRUONG	Vietnamese
18	TRUONG VAN AN	CTK3	19	1	6		55	TRUONG	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HIEU	CTK3	11	1	10		58	TRUONG	Vietnamese
20	VO DINH HA	CTK3	13-14	2	15		62	TRUONG	Vietnamese
21	NGUYEN HUU THANH	P1	70	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
22	NINH QUOC HOI	P1				38	83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	20	22	186	1.376	0	11		
2	P1	2	1	8	144	38	1		
TOTAL		22	23	194	1.520	38	12		
WEIGHT KG				194	1.520	38			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/03/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:00
FLIGHT: 08	TO: TD2	CREW: Phương - MTuấn	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI SY CUONG	TD2	01	1	5	75	60	GETRACO	Vietnamese
2	ĐẬU VĂN XUÂN	TD2	02	1	4		62	GETRACO	Vietnamese
3	LUONG CONG DAT	TD2	99,700	2	12		72	YTE	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TUẤN	TD2	99	1	9		63	DUNG QU.	Vietnamese
5	DƯƠNG BINH NGUYỄN	TD2	300	1	10		57	DUNG QU.	Vietnamese
6	PHAM HIEN	TD2	58	1	9		75	DUNG QU.	Vietnamese
7	PHAN VĂN DŨNG	TD2	97	1	8		50	DUNG QU.	Vietnamese
8	PHAN VĂN BÌNH	TD2	59	1	11		65	DUNG QU.	Vietnamese
9	LE HONG GIANG	TD2	56-57	2	14		65	DUNG QU.	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN NGUYỄN	TD2	98	1	6		55	DUNG QU.	Vietnamese
11	ĐOÀN XUÂN CUÔNG	TD2	95	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN KHANH HUNG	TD2	96-97	2	13		70	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC KHOA	TD2	03-05	3	14		90	CODIEN	Vietnamese
14	ĐỖ TRƯỞNG DIỄN	TD2	07-08	2	13	10	73	CODIEN	Vietnamese
15	HỒ VĂN TINH	TD2	98	1	4		60	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	TD2	06	1	2		65	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	TD2	96	1	5		64	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	TD2	10	1	10		84	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	24	161	1.201	85	15		
TOTAL		18	24	161	1.201	85	15		
WEIGHT KG				161	1.201	85			

GRAND TOAL: 1.447 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN